

Dòng Sông Tĩnh Lặng!



Trần Ngọc Nguyên Vũ

Xin thấp một nén nhang lòng tưởng niệm cố Trung Tá Phi Công Lê Bá Định. Để nhớ lại một thời đã qua... Một đời đã qua!

*“Tịch tịch Lãng Già nguyệt”
“Không không độ hải chu”*

Thiền Sư Huệ Sinh

Người khách lữ hành miệt mài đi trên con đường cái quan của đất nước, bắt đầu từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Vượt qua biết bao nhiêu những dòng sông lịch sử, từ Bạch Đằng Giang, Hồng Hà, tới sông Gianh, sông Bến Hải. Qua dòng Thạch Hãn, vượt đỉnh Trường Sơn ngược nguồn lên cao nguyên lần theo những dòng sông PoKor, Dakbla huyền hoặc. Rồi xuôi Nam tụ về 9 dòng Cửu Long Giang cuộn cuộn đổ ra trùng khơi biển cả. Ở mỗi nơi, khách đều dừng chân ngậm ngùi chiêm ngưỡng những dấu tích bi tráng của một thời. Nhưng cảnh vật còn đây mà Anh Hùng Hào Kiệt ngày xưa nào đâu thấy... Chỉ thấy sóng nước đang gầm lên khúc độc hành...

Ông ra chào đời và lớn lên vào “thửa trời đất nổi cơn gió bụi” (1). Lúc thiếu thời, ông miệt mài nấu sủ sôi kinh, rèn

luyện bản thân và tạo cho mình một gánh hành trang cần thiết để đi vào cuộc sống... Cũng như bao người trai cùng thế hệ “màu tím hoa sim” với ông, thế hệ của những người đã “... Bao năm mài gươm dưới nguyệt

Mà tưởng nghe hồn thép réo sông sâu.” (2) Năm 1958 ông tình nguyện đầu quân vào quân chủng Không Quân, và được huấn luyện để trở thành một phi công.

Sau khi tốt nghiệp, ông về phục vụ tại Phi Đoàn 1 Khu Trục (tiền thân của PĐ Phụng Hoàng 514) đồn trú tại căn cứ không quân Biên-Hòa. Là một phi công tài hoa son trẻ và nhiệt tình, ông cùng các bạn đồng lứa ôm trong lòng một hoài bão của những người lầy,



Thái Dương 530, căn cứ Củ Hành 1972

*“Chí làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao” (3)*

làm phương châm cho cuộc sống. Chính những người như ông cùng các bạn đã làm cho ngành Khu Trục trở thành những đơn vị tác chiến lừng danh của KLVNCH thời bấy giờ.

Hồi mới vào KQ tôi đã nghe danh ông cùng những tên tuổi như Phạm Long Sứ, Nguyễn Quang Tri, Lưu Kim Cương, Nguyễn Ngọc Khoa, Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Hồng Tuyền, Nguyễn Văn Tường, Chế Văn nghĩa, Ôn Văn Tài, Nguyễn Văn Giang, Lê Văn Thảo, Huỳnh Văn Vui, Nguyễn Quốc Hưng, Nguyễn Quốc Thành, Lê Mộng Hoan, Lê Như Hoàn, Đan Hoài Bửu, Phạm Đình Anh, Lê Phước Cung, Trần Văn Việt, Phạm Đăng Cường,... nhưng chưa có dịp quen ông cho

đến khi đi biệt phái PleiKu, bay cho MAC SOG yểm trợ Chiến Đoàn 2 Xung Kích ở KonTum, và B50 ở Ban Mê Thuột, tôi mới được hân hạnh gặp gỡ và quen biết ông.

Tôi gặp ông cũng là do cái “duyên nghiệp” đưa đẩy. Lúc đó ông đang giữ chức vụ Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến của Căn Cứ 92 Chiến Thuật. Vì cùng là dân KT nên thỉnh thoảng ông hay ghé biệt đội thăm chúng tôi và chia sẻ những kinh nghiệm bay bổng. Qua những lần gặp gỡ đó, tôi thấy ở ông như đang có ngọn lửa ưu tư bập bùng trong lòng. Tôi vốn là người thích thơ văn, gặp ông cũng là tay sinh văn chương thơ phú, cho nên tuy mới gặp mà đã như quen biết tự bao giờ... Thừa ấy vào những ngày mưa dầm gió bắc, ông hay mời chúng tôi đến nhà ông. Có khi cùng ông ăn một bữa cơm thanh đạm gia đình, do bàn tay khéo léo của người vợ hiền sửa soạn. Hay những buổi tối đội mưa ghé thăm ông để được thưởng thức một chén chè đậu đen ngọt đậm tình người. Hoặc những buổi chiều mây đông đen kịt kéo về phủ kín cả bầu trời phố núi, ngồi bên ấm trà sen thơm ngát, cùng ông bàn chuyện thơ văn...

Ông nói chuyện rất có duyên, hiểu biết nhiều, lại thêm giọng nói trầm âm, đằm thắm và lời cuốn làm cho người nghe phải cảm mến. Qua những buổi trà đàm cùng ông, ông thường nói về nghệ thuật uống trà của kẻ sĩ. Ông nói uống trà không cần phải cầu kỳ quá như Trà Đạo của Nhật Bản, hay lối pha trà kiểu cách của người Tàu, nhưng cũng không quá giản dị mà để mất đi cái “lẽ” đối với trà. Uống trà là phải uống cả cái hồn trà, cũng như đọc thơ văn hay nghe nhạc là phải cảm nhận được cái hồn của văn thơ và nhạc. Mà hồn văn thơ hay hồn nhạc là gì nếu không phải là tâm tình của tác giả hòa lẫn vào câu thơ, lời văn hay khúc nhạc mong gợi đến người nghe đó sao. Hồn trà cũng vậy, có phải là hồn của người pha trà gợi vào trong ấm trà, bình trà để khi rót ra, tức là rót cả tâm tình của mình vào ly vào tách để mời khách đó hay sao. Cho nên khi uống trà, người uống có thưởng thức được vị trà, và cảm nhận được tâm tình của người pha trà mới gọi là tri âm, tri kỷ...

Nghe ông nói dù chưa uống trà nhưng tôi đã thấy đầu đầy thoang thoảng hương trà đậm tình tri kỷ bốc lên... Trong số những văn nhân thi sỹ Đông Tây kim cổ, ông thích nhất Tô Đông Pha, và Hàn Mặc Tử. Với Tô Đông Pha, ông thích cái hào khí của một kẻ sĩ quần lầy gót chân của thi nhân trên những chặng đường đầy ai. Với Hàn Mặc Tử, ông cảm nhận được cái phong thái phiêu diêu, lãng đãng ẩn sau những cơn đau đớn tột cùng của thân xác thi nhân. Hình như qua cuộc đời thăng trầm đầy những sự đau đớn, oan khuất và đọa đầy của những nhà thơ tài hoa nhất mực ngày xưa này, mà ông đã tìm được chân diện mục của chính mình chăng... Ông có một lối sống ung dung tự tại. Ông cho rằng mọi chuyện xảy ra đều là do duyên sanh, tương tác, tương hợp, tương tức, nên tất cả mọi chuyện đều không có tự tánh, nó liên kết với nhau mà thành. Có chuyện này xảy ra, mới nảy ra chuyện khác. Không cần mong mà cũng chẳng cần phải chờ đợi. Bởi nó đến rồi đi như mây trời, gió núi... Một lối sống rất thiên trong triết lý “Cư Trần Lạc Đạo” của vua Trần Nhân Tôn, vị đệ nhất tổ thiên phái “Trúc Lâm Yên Tử” của Việt nam.

Không phải vô cớ mà từ một Phi Đoàn Phó của phi đoàn Phụng Hoàng 514, một phi đoàn khu trực lừng danh của Không Lực VNCH, cùng với hàng ngàn giờ bay cá nhân, qua các phi vụ bình Nam phật Bắc, ông lại thu mình ngồi mai danh ẩn tích trong cái văn phòng nhỏ bé, trên ngọn đồi của căn cứ 92 Chiến Thuật đèo heo hút gió này. Cái văn phòng vốn vẹn chỉ có dăm ba nhân viên, và một người lính văn thư ngày ngày ngồi đợi ông đọc xong giấy tờ từ trên gởi xuống để cho vào sổ lưu.. .

...Cho đến ngày ông bước ra khỏi cái văn phòng nhỏ bé đó để về làm phi đoàn trưởng phi đoàn Thái Dương 530, quy tụ những anh hùng hào kiệt từ các nơi đổ về, hợp cùng với phi đoàn quan sát Black Cat của Thiếu Tá Võ Công Minh, các phi đoàn trực thăng Lạc Long của Thiếu Tá Lê Văn Bút, và Sơn Dương do Thiếu Tá Vĩnh Quốc làm Phi Đoàn Trưởng, cùng

các đơn vị kỹ thuật của Thiếu Tá Nguyễn Hữu Sung, tạo nên cái sườn cho Không Đoàn 72 Chiến Thuật, dưới quyền chỉ huy của chiến lược gia lỗi lạc của KQ là Trung Tá Nguyễn Văn Bá, mà chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, Không Đoàn tân lập này đã vươn mình như Phù Đổng, lập được nhiều thành tích đáng kể, và đã góp phần vào cuộc chiến thắng lẫy lừng của toàn quân vào mùa Hè năm 72..



...Ông làm Phi Đoàn trưởng PĐ Thái Dương 530 chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, rồi lên làm Liên Đoàn Trưởng LĐ72 Tác Chiến thay Tr/Tá Trang được chuyển về Nha Trang. Ít lâu sau, tôi cũng rời phi đoàn để lên phòng Huấn Luyện KĐ, thay thế Th/Tá Hưng đi làm sĩ quan liên lạc trực thăng bên Hoa Kỳ. Tuy ở phòng huấn luyện nhưng tôi vẫn thường xuyên về PĐ bay cùng anh em... Trong khoảng thời gian này, khi bay những phi vụ hành quân, chúng tôi đã nhiều lần phát giác ra dấu vết của những con đường mòn do địch quân khai phá xuyên qua vùng núi đồi trùng điệp của miền Tây Nguyên. Có những đoạn rộng thênh thang đủ cho xe tăng và molotova của địch di chuyển. Những phi tuần trưởng có uy tín của phi đoàn như Nguyễn Văn Huỳnh, Phạm Văn Thặng, Vũ Công Hiệp, Bạch Diễm Sơn, Hoàng Mạnh Dzũng, Nguyễn

Hoàng Mai, Lê Thuận Lợi, Vũ Văn Thanh đã nhiều lần viết những bản báo cáo tởm mỹ gửi lên ông và Trung Tá Bá để trình lên thượng cấp, nhưng không lần nào thấy hồi âm...

Riêng chỉ có ông và ông «Bá Chủ» là những người chia sẻ ưu tư cùng chúng tôi. Ông tỏ ý lo ngại không biết đất nước này rồi sẽ đi về đâu... Ông lo ngại cho những người lính trẻ đầy nhiệt tình và lòng quả cảm, sẵn sàng hy sinh cho đại cuộc, đang bị buộc chân, cột tay, dấn thân vào một cuộc chiến không có lối thoát... Ông tâm sự với chúng tôi là chúng ta cần phải làm một cái gì đó để thoát ra khỏi tình trạng này, dành lại quyền làm chủ chiến trường, để sớm đem lại cuộc sống thanh bình cho đất nước. Nếu không thì cuối cùng chúng ta sẽ phải lãnh một hậu quả vô cùng thảm khốc... Câu nói này đã để lại trong tôi những ray rứt suốt cả cuộc đời... Và cũng vì câu nói này mà định mệnh đã đẩy tôi cùng Phạm Văn Thặng, Trần Kim Long, Trần Văn Phúc, và Trần Cao Chánh bên BĐQ vào một khúc ngoặt của lịch sử...

..Vào khoảng cuối mùa Xuân năm 1971, Trung Tá Khoa, sếp cũ của tôi hồi ở BĐ83, bất thần bay lên Pleiku để gặp Trung Tá Bá và ông. Không ai biết được chi tiết về cuộc gặp gỡ bí mật của những con người coi núi Thái Sơn nhẹ như chiếc lông hồng này. Buổi trưa hôm đó tôi được gọi lên trình diện ông và Trung Tá Bá để nhận lệnh thành lập một phi đội đặc biệt. Tôi trình ông một danh sách 4 người gồm có tôi cùng Phạm Văn Thặng, Trần Kim Long và Trần Văn Phúc, để ông làm SVL di chuyển.

Sáng hôm sau ông đưa chúng tôi ra tận chỗ chiếc trực thăng đang quay máy chờ. Ông nắm chặt tay tôi nói qua cánh gió của cánh quạt quay vù vù trên đầu: «Tôi» cùng anh em về trong ấy gặp anh Khoa, công việc chưa biết ra sao, nhưng ở ngoài này «Moi» và ông Bá chủ sẽ phải gồng mình chờ đợi...» Nghe ông nói tôi lặng người đi như vừa chạm phải dòng điện... nhìn vào mắt ông, tôi thấy trong tận cùng sâu thẳm nơi đáy mắt của ông, như đang bốc lên ánh men say của

khúc «Tống Biệt Hành.» Chúng tôi nhảy lên phi cơ, chiếc trực thăng bốc mình khỏi mặt đất, quay một vòng như để chào tiễn biệt, rồi chúi mũi lao về phía trước.

Ngồi trên phi cơ nhìn xuống, tôi thấy dáng ông nghiêng ngả trên sân bay, giơ tay vẫy... Tôi thấy lòng mình trùng xuống, qua tiếng quạt gió của phi cơ, tôi nghe như có



VNAF FS-514 (Phước Hồng)



tiếng gầm thét vọng về từ một dòng sông định mệnh...
...Nhưng ý trời chưa thuận chiều theo lòng người nên mọi chuyện đã không thành. Sau một thời gian nằm chờ tại Tân Sơn Nhất, chúng tôi lại trở về đơn vị cũ. Lúc đi không có rượu Bò Đào, chén Dạ Quang đưa tiễn; lúc về cũng âm thầm như cơn gió thoảng, không để lại dấu vết gì, mà chỉ để lại cái âm hưởng hào hùng của tráng sĩ qua những vần thơ: «Một nhát dao bay ngàn thửa đẹp - Dù sai hay trúng cũng là dư.» (3)

o O o

Sau mùa Hè năm 1972, khi Đại Tá Bá đổi về vùng 4 làm Chỉ Huy Trưởng căn cứ 40 chiến thuật, thì ông được điều lên làm Không Đoàn Trưởng KĐ/72/CT. Cùng quãng thời gian này, Sư Đoàn 6KQ được thành lập, dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Phạm Ngọc Sang. Tôi được cử làm Tham Mưu Phó

Chương Trình Kế Hoạch của SĐ... Hai năm trước đó, cũng là do cái «Duyên» đưa đẩy khiến cho tôi được gặp ông và ông «Bá Chủ» trong một hoàn cảnh đặc biệt. Bây giờ thì cái «Duyên» đó đã hết, tất cả lại bung ra như mây như mưa bay khắp bốn phương trời...

Với ông thì cái «Duyên» đưa ông đến ngồi ở văn phòng Tâm Lý Chiến nơi đèo heo hút gió, đến một Phi Đoàn Trưởng Khu Trục, rồi Liên Đoàn Trưởng LĐ72/Tác Chiến, tới một Không Đoàn Trưởng KĐ72/CT lừng danh vùng trời biên trấn cũng đã hết. Ông lại ung dung cùng gia đình ngất ngưỡng ngồi trên chiếc xe dò xọc xạch, từ PleiKu xuyên qua Quốc Lộ 19, đánh một vòng ngao du sơn thủy, đắm mình vào với khung cảnh kỳ tú của non xanh, nước biếc, nhuộm thắm tâm hồn người nghệ sĩ. Rồi qua đèo đở dốc xuôi Nam về miền biển, ngày ngày chăm lo cho những cánh chim non, đào tạo cho Không Lực VNCH những phi công ưu tú trẻ tuổi, để sau này tung vào cuộc chiến.

o O o

Tháng Tư năm 75, lịch sử lại một lần sang trang. Câu nói của ông ngày nào như một lời tiên tri nay đã ứng nghiệm. Cuộc đời ông lại rẽ vào một khúc ngoặt nghiệt ngã của cuộc bể dâu... Sau mười năm bầm dập trong chốn lao tù, ông bước ra khỏi nơi cá chậu chim lồng, trở về với nhân thế. Ông đã lặng người trước sự phá sản đến tột cùng của quê hương, và của những mảnh đời bất hạnh. Sóng gió âm âm nổi lên cùng những câu hỏi quay cuồng trong đầu... Than vãn ư? Có cần thiết lắm không khi quanh ông đầy những tiếng oán than. Trách móc ư? Trách cái gì và trách ai đây khi tất cả mọi người đang ngụp lặn trong cơn ba đào của cuộc sống. Nhưng đó là cái phong độ hào sảng của một chinh nhân trong ông. Nó không cho phép ông làm những chuyện thường tình đó.

Thế còn là một thi nhân thì sao? Có lẽ nào ông không có những cảm xúc, rung động gì sao? Có lẽ nào ông không cảm

được hôn của người pha trà đã rót hết tâm tình của mình vào ly trà hội ngộ mừng ông trở về đó hay sao? Và ông đã ngửa cổ uống cạn ly trà tri kỷ, uống cạn cả những ân tình đọng trong đáy mắt của người pha trà. Ông đã trở về như người về trong cõi thơ và nhạc:

*“Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông
Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng ràn rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp nào xưa tưởng lạc nhau*

*Ta về dẫu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Hè nhà, bụi chuối thức thâu đêm» (4)*

Chỉ có thể thôi, và cũng chỉ mới có ngần ấy thôi mà cũng đã đủ làm những giọt nước mắt của người pha trà ràn rụa tuôn ra như dòng suối tưới lên những héo úa, mỗi mòn của người bạn đời sau bao năm chờ đợi... Rồi như một kẻ sĩ bất phùng thời, ông lại ung dung hòa mình vào với dòng đời xuôi chảy, sẵn tay vén ống thu dọn những đồ nát của xã hội nhân quần:

*Ta về dạy dỗ đàn con trẻ
Đạo lý vương tròn của tổ tiên
Tu bổ ngôi đền thờ Quốc Tổ
Vun bồi công đức thừa Hùng Vương.*

*Ta về lợp mái nhà loang lỗ
Sửa bức tường nghiêng đắp lại nền
Cuộc xới khu vườn hoang phế cũ
Cho mầm hạt giống mới vươn lên.*

*Ta về lật quăng thời gian cũ
Đếm bước ngày xưa phủ bụi đường*

*Ai có vì ta mang hệ lụy
Cúi đầu ta nhận hết đau thương.*

Ta về gầy lại nong tầm cũ
Dệt nút cho em tấm lụa vàng
se kết đường tơ còn dang dở
Cho nàng áo mới đón Xuân sang.

Cũng kể từ đó, ông bắt đầu xây dựng lại cuộc sống cho gia đình. Ông dạy con cái rất nghiêm minh, để sau này chúng trở thành những người hữu ích cho nhân quần, xã hội. Ông luôn luôn giữ cho mình cái tiết tháo của một kẻ sĩ. Rồi ông lại ung dung cất bước đi cho trọn quãng đường trần...

Suốt cuộc đời ông trong cuộc sống, ông đã trải qua biết bao nhiêu những thăng trầm, chìm nổi... Từ một chinh nhân và thi nhân bỗng bênh theo cơn gió bụi, tới một tha nhân đắm chìm trong cõi vô thường. Cho đến những ngày tháng cuối cùng nơi trần thế, nằm trên giường bệnh, chịu đựng sự hành hạ đau đớn đến tột cùng của thân xác, như để trả cái nghiệp của “Nhân Duyên” do “Vô minh và Hành” gây ra. Gột rửa hết những “tạp niệm” tích lũy từ vô lượng kiếp. Buông xả những cái “chấp” do “Ái Thủ Hữu” bám vào. Ông để lộ ra cái “Tâm” thanh khiết và trong suốt của một hành gia đã “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” mà bước ra khỏi vòng «Sanh, Lão tử»... Rồi tìm về một dòng sông tĩnh lặng... nơi có con thuyền vượt bến mê, con thuyền «Bát Nhã» đưa ông qua bờ, về cõi vĩnh hằng cao diệu vợi.

(Mùa Xuân năm Giáp Ngọ)

Chú thích

- (1) Chinh Phụ Ngâm
- (2) (3) Thơ Vũ Hoàng Chương
- (4) Thơ Tô Thùy Yên



Người là Ai?

Thạch Thảo

(Cảm tác lời nhạc trong DVD của Ca Sĩ Hoàng Tường)

*... Họ là những anh hùng không tên tuổi,
Sống âm thầm trong bóng tối mênh mông
Lớp này vong, lớp khác tiến ngay lên...*

Đó là chân dung người lính QLVNCH. Họ là những người trai trẻ, vì lý tưởng, vì sự tồn vong của đất nước, mạnh dạn bước vào quân ngũ, khoác màu áo trận, vai mang ba lô với lời tuyên thệ “Vị Quốc Vong Thân”.

Từ quân trường, Anh được tôi luyện thành những chiến sĩ can trường, coi thường mọi hiểm nguy trước lần tên mũi đạn... Anh đã thực sự trưởng thành để bước ra mặt trận, tay cầm súng, chân mang giày saut, giẫm mòn nửa vòng trái đất để bảo vệ quê hương, nơi nào có giặc đỏ Bắc phương, có nón cối dấp rêu, có những kẻ ngông cuồng vượt đường mòn muốn “Sinh Bắc Tử Nam” là nơi đó có Anh...

Hai mươi năm chiến tranh, quê hương điêu tàn trong khói lửa, 20 năm dài hầu như Anh không hề có một giấc ngủ bình yên. Trừ những lần đơn vị về dưỡng quân, Anh mới có được những ngày phép ngắn ngủi về thăm gia đình, cha mẹ, vợ con,

anh em bè bạn hoặc người yêu..

Bao nhiêu năm chinh chiến, là có bấy nhiêu ngàn ngày để Anh ra đi từ sáng tinh mơ và cũng bấy nhiêu ngàn đêm để bóng Anh mịt mờ trong núi rừng giá lạnh... Để đêm đêm nghe đại bác vang trời, mưa bom đạn réo bên tai, nhìn ánh hỏa châu rơi mà thi vị hoá cuộc tình, tưởng chừng như ánh mắt người yêu dõi theo Anh từng bước quân hành... Anh thương cho quê hương còn đầy đặc bóng quân thù và cũng thương cho ai kia mòn mỏi đợi chờ... để rồi đem tình yêu và nỗi nhớ đặt trên đầu điều thuốc... Anh cũng đã từng có những ước mơ tuổi trẻ, ước mơ đất nước sớm được thanh bình. Ngày về sẽ là những ngày hoa đăng, ngày cưới... Trong 20 năm khói lửa điêu linh, tình hình chiến trường ngày càng sôi động, người lính cứ đi và đi mãi. Chân Anh hầu như không biết mỏi... đầu đội nón sắt, vai mang ba lô lội qua những vùng sinh lầy, nước ngập ngang tầm ngực. Anh đã đi qua những địa danh xa lạ: Ashau, A Lưới, Bồng Sơn, Tam Quan, hay Anh đã từng truy kích địch ở Cố Đô Huế, chiếm lại từng tấc đất quê hương. Máu Anh đã tô thêm đê ngọn cờ Vàng ba sọc đỏ thân yêu, ngạo nghễ trên cổ thành Đinh Công Tráng năm nào. Người dân hiền lành xứ Quảng vô cùng nhớ ơn Anh. Suốt chiều dài lịch sử, từ Bắc vô Nam, dọc đến Cái Nước, Đầm Doi, Chương Thiện... Anh đã nằm xuống nơi đã từng in dấu chân. Đạn pháo vô tình đã cướp đi hơi thở, niềm tin yêu, và tuổi trẻ của Anh.

Anh nằm xuống để cho miền Nam được tươi xanh luống mạ, thân xác Anh được gói trọn trong tấm poncho, để che kín bầu trời miền Nam. Anh đi “Tổ Quốc Ghi Ôn“, để cho hậu phương được yên lành no ấm...

Nói đến người dân miền Nam, những người yêu chuộng Tự Do, không bao giờ muốn sống chung với cộng sản, họ luôn muốn bỏ chạy khi cộng sản đến. Họ hoàn toàn trao trọng trách bảo vệ Quốc Gia, ngàn thù dẹp loạn cho của những người cầm súng và họ cũng tự trấn an rằng lính của QLVNCH không bao giờ buông súng và không bao giờ đầu hàng giặc. Mà thật vậy,

lời ca của một ca sĩ nào đó như còn văng vẳng:

Vì đâu Anh buông súng?

*Chẳng phải Anh người chiến bại trước kẻ thù
Ngoài chiến trường xa còn đang say giết giặc
Thì lệnh đầu hàng, lệnh Tù Nhục Ngàn Thu*

Vì đâu Anh buông súng?

*Lúc mà lòng Anh là viên đạn đã lên nòng
Họng súng “Tự Do” đang còn loang máu giặc
Thì lệnh ban truyền “Lệnh giao bán núi sông”*

30/4 Ngày giao hàng của phường buôn dân bán nước

30/4 Ngày tù nhục của người vì Tự Do tranh đấu

Ngày Tổ Quốc quần khăn tang

Ngày Việt Nam trong đêm đen



Xe tăng của VC bị cháy tại lãng Cha Cả, sáng 30-4-75.

Ngày dẫn cuộc đời Anh đi vào nhà giam...

Mỗi lần đi làm về khuya, mở nghe nhạc đến bản này, người viết có cảm giác như hồn tử sĩ đang ai oán, nức nở, khóc cho quê hương...

Trở lại thân phận người lính, đời lính gian khổ, tương lai và sự sống đếm từng ngày trên đầu ngón tay. Lính là đồng

nghĩa với nghèo. Mỗi lần về hậu phương Anh cảm thấy lạc lõng, bơ vơ như người Thượng mới về Kinh. Thật là mĩa mai thay, nào là ca tụng Anh trai tiền tuyến, Em gái hậu phương.

Những người vợ lính mới thật sự là những người đàn bà thâm lặng và bình dị trong xã hội. Họ tất tả nuôi chồng ở các TTHL, về nhà họ vừa làm cha vừa làm mẹ nuôi dạy con cái, chịu đựng và hy sinh để cho chồng an tâm chống giặc. Hạnh phúc của họ thật mong manh, hằng đêm thức khuya lắng nghe tiếng đại bác để rồi lo âu trần trọc và nguyện cầu sự bình an cho chồng an tâm cầm súng.

Đề rồi 30/4/75, ngày Cộng Sản phương Bắc ý đồ nhuộm đỏ miền Nam, Anh bàng hoàng buông súng!!! Có thật không? Hai mươi năm chinh chiến để đổi lấy hoà bình, đã kết thúc trong tủi nhục, đau thương!!! Có thật không? Anh đã khóc nhiều cho chiến tranh, khóc khi đồng đội của Anh đã nằm xuống và có ai trong chúng ta đã hơn một lần khóc thương cho người lính???

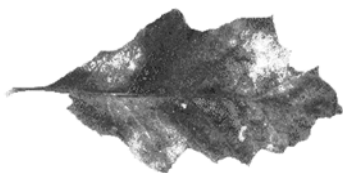
Lịch sử đã sang trang, đồng thời dân tộc Việt Nam cũng đi vào bước đường cùng của trái đất, nào là hình ảnh những TPB diu dắt nhau hốt hoảng rời bỏ những Quân Y Viện... Và Anh người lính trong thời chiến, giờ đây trở thành tù nhân trong thời bình. Anh lưu vong trong lòng dân tộc và chịu số phận lưu đầy nơi chính quê hương của Anh, bởi cộng sản đã bắt đầu cuộc trả thù tàn bạo và dã man nhất, đẩy Anh vào địa ngục của trần gian. Chúng ngụy tạo những mỹ từ để mê dân nào là “lao động là vinh quang“, nào là “Chủ Nghĩa Cộng Sản đưa người dân đến cơm no áo ấm...” Thế nào là “cơm no áo ấm” đây? Ăn bo bo, cũng no vậy, mặc bao bố cũng ấm vậy? Chúng đã vất cùng lực cạn sức lực Anh bên rừng sâu núi thẳm, sỉ nhục Anh bên những hố xí tanh hôi.

Nhưng Anh đã vượt qua sự chết để đem ý nghĩa cho cuộc sống và nhân phẩm của con người. Từ ngục tù Anh đã chứng minh, Anh và bọn chúng không bao giờ là người đồng loại...

Anh vì lý tưởng Tự Do mà chiến đấu, còn bọn chúng ngông cuồng sát máu là con cò thí của lũ vô thần cộng sản quốc tế mà thôi. Cuối cùng Anh cũng đã trở về từ địa ngục, mà nơi đó cũng có biết bao bạn bè của Anh đã ngã xuống. Họ đã trở thành những người thụ nạn trong thời bình.

Hơn 32 năm qua, hoà bình thật sự không đến với quê hương VN, họ chỉ lo vơ vét tài sản của dân chúng, để làm của riêng mình; lại còn huênh hoang đánh tư sản, chúng muốn bản cùng hoá dân. Còn đâu tuổi thơ dung dăng, dung dẻ cặp sách đến trường, bởi vì cha mẹ không đủ tiền đóng niên liêm học kỳ cho con em. Thôi thì đi lượm ve chai, giấy vụn phụ sinh kể với gia đình, thậm chí còn có những em gái thành niên, thấy cha mẹ già yếu, nghèo nàn đành hy sinh bản thân chối bỏ tình yêu đầu đời, lấy chồng Hàn Quốc để có tiền gửi về giúp gia đình, đôi khi phải tiếp nhận những người chồng bệnh hoạn, đáng tuổi cha chú của mình!!!

Hôm nay ở nơi xứ người, mỗi lần có ai nhắc về quê hương, lòng tôi lại dâng lên một niềm cảm xúc. Dù bọn CS có giệt sập chân dung oai hùng của người lính QLVNCH, có cây nát nghĩa trang Quân Đội Biên Hoà thì hình ảnh oai hùng của người lính vẫn ngạo nghễ trong lòng dân tộc. Anh đến rồi lại đi, âm thầm lặng lẽ, nhưng Anh đã giữ gìn được ngọn lửa thiêng với tinh thần “Vị Quốc Vong Thân”.





Nguyễn chánh Dật.

Khi cuộc nội chiến gần kết thúc, nhiều câu chuyện về trại giam tù binh chiến tranh miền Bắc ở Andersonville thuộc quận Sumter, Georgia đã cho mọi người thấy khủng khiếp đến nhường nào đến nỗi binh sĩ miền Bắc nghĩ rằng thà chết tại trận còn hơn bị bắt làm tù binh và đem nhốt tại đây.

Chỉ huy trưởng trại giam này là Đại Úy Heinrich Hartmann Witz, cũng còn có tên là Henry Witz sinh tại Zurich ngày 25 tháng 11 năm 1823, di dân sang Hoa Kỳ vào năm 1849.

Thoạt tiên, ông đầu quân tại Louisiana với cấp bậc binh nhì. Một thời gian sau, ông được thăng cấp nhanh chóng cho đến khi bị thương tại mặt trận Seven Pines cũng còn gọi là Battle of Fair Oaks xảy ra từ ngày 31 tháng 5 đến 1 tháng 6 năm 1862 tại quận Henrico, Virginia. Đây là một giai đoạn của chiến dịch Peninsula. Trong thời gian chỉ huy trại giam, ông đã đối xử tàn nhẫn với tù binh miền Bắc. Thống kê cho

biết từ tháng 2-1864 đến tháng 4-1865 đã có 13 ngàn tù nhân đã chết dưới mọi hình thức, như: đói, bệnh tật, bị lính canh bắn chết khi vượt qua ranh giới an toàn. Thêm vào đó, một nhóm tù binh cũ có tổ chức gọi là Andersonville Raiders đã giết tù nhân mới để cướp thức ăn, chăn mền, áo quần mà theo tài liệu lưu lại ngày nào cũng có tù nhân chết. Khi chiến tranh kết thúc, ông là sĩ quan độc nhất ở miền Nam bị truy tố ra toà án quân sự vì tội phạm chiến tranh. Sau phiên toà ngày 23-8-1865, ông bị kết án tử hình và bị treo cổ ngày 10-11 tại Washington, DC.

Vào năm 1863, khi cường độ giao tranh trở nên khốc liệt, số lượng tù binh bị bắt càng ngày càng nhiều, lại thêm liên bang đình chỉ việc trao đổi tù binh (2); những trại giam rải rác ở các tiểu bang miền Nam như trại giam Blackshear ở Georgia, trại Danville ở Virginia, trại Salisbury ở North Carolina đã quá đầy, khiến việc điều hành những trại tù quá đông này gặp trở ngại trong việc vận chuyển thực phẩm nuôi tù, mặc dầu việc nuôi ăn dưới tiêu chuẩn đến nỗi thân nhân của họ nóng lòng phản đối. Do đó, Tổng Thống Abraham Lincoln phải ban hành lệnh trả đũa (3).

Tháng 11-1863, chính quyền miền Nam quyết định dựng một trại tù mới, lớn hơn, và thuận tiện hơn trong việc điều hành và quản trị tù nhân cấp binh sĩ (4). Đại Úy Sidney Winder được giao trách nhiệm đến vùng Andersonville, thuộc quận Sumter, Georgia, nghiên cứu địa thế để xây dựng một trại tù có khả năng nhốt tù miền Bắc càng nhiều càng tốt. Ông đã hài lòng vì thấy khu vực này có nguồn nước sạch Stockage Creek chảy qua. Nơi này lại gần hệ thống hỏa xa của miền Nam, rất thuận tiện cho việc vận chuyển thực phẩm nuôi tù.

Tháng 1-1864, nhiều nô lệ ở các trại địa phương được huy động đến để khai quang, đào hào, khởi đầu cho việc dựng trại. Tháng 2-1864, đám tù nhân đầu tiên được chuyển đến đây. Tính đến tháng 6 đã có hơn 20.000. Đến tháng 8 cùng năm đã có 33.000 tù nhân trong khi khả năng tiếp nhận của trại tù là

10.000 người.

Tù nhân chen chúc không đủ chỗ ở trong những căn lều bằng vải. Vào những tháng có thời tiết khắc nghiệt, họ phải đào những hố sâu xuyên qua đất để trú ẩn cho qua những



*Dòng nước nhiễm màu
tại trại tù Andersonville,
Georgia.*

con nóng cháy da về mùa hè và những cơn lạnh buốt về mùa Đông. Nguồn nước sạch duy nhất chảy qua trại dùng để nuôi tù ngày càng bị ô nhiễm vì chất thải của người. Đây là nguyên nhân đưa đến các bệnh truyền nhiễm như tiêu chảy và kiết lỵ. Phần thiếu dinh dưỡng, phần đau ốm không có thuốc chữa, lại thêm lao động cực nhọc đã cướp đi mạng sống của 13.669 tù nhân trong thời gian hơn một năm. Con số chết vào mùa hè gia tăng vì nóng và thiếu nước.

Một số tù nhân có đạo đã cùng nhau cầu nguyện để xin Thượng Đế ra tay cứu họ bằng cách ban cho họ một nguồn nước sạch để kéo dài cuộc sống. Phép lạ đã đến. Vào tháng 8, là tháng nóng nhất trong năm tại các tiểu bang miền Đông Nam, trời mưa liên tục nhiều ngày. Vào ngày 13, tất cả tù binh được chứng kiến một phép lạ trong đời họ. Hôm đó, một đám mây khổng lồ di chuyển từ hướng Đông về hướng Tây. Khi đám mây ngang qua trại, mọi người đều có ý nghĩ là đám mây dừng lại, lơ lửng bao trùm cả khu vực rộng lớn của trại. Bỗng nhiên sấm chót nổi lên liên hồi. Sau đó, một tiếng nổ lớn làm rung chuyển mặt đất và có một nguồn nước chảy ra từ chỗ nứt của đất. Tù binh của trại đã coi đây là phép lạ nhiễm màu của Thượng Đế ban cho. Nguồn nước này mang tên “The Miracle of Providence Spring” ở Andersonville, Georgia vẫn còn cho

đến nay. /.

Chú Thích:

(1) Trước ngày bản án được thi hành, nếu Đại úy Witz bằng lòng khai chính Tổng Thống miền Nam Jefferson Davis là một đồng lõa của ông, hình phạt sẽ giảm bớt. Đại Úy Witz chịu chết chứ không chịu man khai.

(2) Năm 1863 tại Vicksburg, Tướng Grant đã khoan hồng cho 31.000 binh sĩ miền Nam thay vì cầm tù họ. Nhiều người trong số này lại bị bắt một lần nữa trong trận đánh Chattanooga. Khi nắm quyền Tư Lệnh Quân Đội Liên Bang, một trong những việc làm trước tiên của ông là ngưng trao đổi tù binh nhằm mục đích hạn chế nguồn nhân lực của miền Nam.

(3) President Lincoln's Order of Retaliation, July 30th, 1863.

(4) Tại thủ đô miền Nam Richmon có nhà tù lớn là Libby Prison, nơi giam tù nhân chiến tranh cấp sĩ quan../.

